

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
**đã được kiểm toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Lầu 12, Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 30



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PGT Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 2 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- .....

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### **Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	
Ông Ryotaro Ohtake	Chủ tịch	Từ ngày 01/08/2020
Ông Kakazu Shogo	Chủ tịch	Đến ngày 01/08/2020
Ông Ryotaro Ohtake	Thành viên	Đến ngày 01/08/2020
Ông Shimabukuro Yoshihiko	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên	
Ông Lê Minh Đức	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Chi	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Kế toán trưởng

#### **Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Lê Quốc Duy	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngà	Thành viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2021

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  
**Chủ tịch**



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Kakazu Shogo**





Số: 83-2/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PGT Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PGT Holdings, được lập ngày 10 tháng 6 năm 2021, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần PGT Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác, với ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 37/2020/BCKT-PKF.HCM ngày 23/03/2020.



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2021

**Kiểm toán viên**

*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Xuân Giang**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2784-2019-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

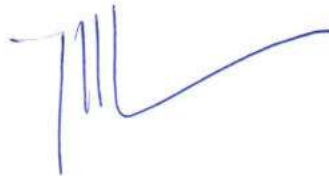
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.647.288.020</b>	<b>55.671.462.751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.203.708.347</b>	<b>10.700.017.059</b>
1. Tiền	111		5.203.708.347	5.800.017.059
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.900.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.291.985.800</b>	<b>16.201.600.021</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	16.201.600.021	16.201.600.021
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(12.909.614.221)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.262.706.602</b>	<b>25.828.601.042</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.086.716.655	46.737.575.560
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	980.645.537	2.931.679.537
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	16.000.000.000	3.171.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	20.631.276.903	23.156.885.395
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(42.435.932.493)	(50.168.539.450)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.206.751</b>	<b>40.511.921</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	43.206.751	40.511.921
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.845.680.520</b>	<b>2.900.732.708</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	430.076.569	615.413.177
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		775.601.312	645.316.892
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.640.002.639	1.640.002.639
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.023.844.413</b>	<b>25.407.312.183</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.196.620.200</b>	<b>18.397.746.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	1.981.000.000	16.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	2.215.620.200	2.397.746.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.411.053</b>	<b>676.274.329</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	265.411.053	676.274.329
- Nguyên giá	222		1.304.001.867	2.362.934.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.038.590.814)	(1.686.659.951)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		1.730.574.465	1.730.574.465
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.730.574.465)	(1.730.574.465)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.561.813.160</b>	<b>6.333.291.854</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	83.595.728	140.727.308
2. Lợi thế thương mại	269	V.12	5.478.217.432	6.192.564.546
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>56.671.132.433</b>	<b>81.078.774.933</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.270.119.739</b>	<b>24.491.639.059</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.270.119.739</b>	<b>24.491.639.059</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		35.632.751	11.926.338
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.412.532	38.508.532
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	93.690.495	112.442.908
4. Phải trả người lao động	314		585.446.872	302.111.371
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	289.173.862	819.917.942
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.300.000	1.100.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.321.250.258	3.331.212.399
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	10.928.954.613	19.874.161.213
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.356	258.356
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.401.012.694</b>	<b>56.587.135.874</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>40.401.012.694</b>	<b>56.587.135.874</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55.260.000	55.260.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.744.349.375)	(1.744.349.375)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		615.256.154	(556.174.540)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.705.559.758	1.705.559.758
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(56.603.301.958)	(40.282.542.804)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(40.282.542.804)	(25.520.173.564)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(16.320.759.154)	(14.762.369.240)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.954.578.115	4.991.372.835
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>56.671.132.433</b>	<b>81.078.774.933</b>

Người lập biểu / Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Thanh Chi**  
 Ngày 10 tháng 6 năm 2021

Tổng Giám đốc



**Kakazu Shogo**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>2.598.076.738</b>	<b>5.686.908.187</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.1	<b>2.598.076.738</b>	<b>5.686.908.187</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.2	<b>435.146.389</b>	<b>457.946.789</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.162.930.349</b>	<b>5.228.961.398</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.721.871.612	5.107.194.315
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.516.506.264	735.290.428
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		606.891.832	580.536.383
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.048.737.264	24.478.630.083
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(17.680.441.567)</b>	<b>(14.877.764.799)</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.6	3.250.545	21.566.738
13. Chi phí khác	32	VI.7	182.404.579	144.663.951
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(179.154.034)</b>	<b>(123.097.213)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(17.859.595.601)</b>	<b>(15.000.862.012)</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(17.859.595.601)</b>	<b>(15.000.862.012)</b>
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(16.320.759.154)	(14.762.369.240)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.538.836.447)	(238.492.772)
<b>19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	V.9	<b>(2.016)</b>	<b>(1.694)</b>

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Chi

Ngày 10 tháng 6 năm 2021

Tổng Giám đốc



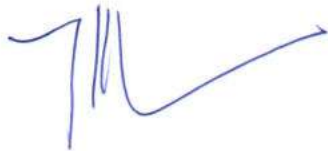
Kakazu Shogo

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(17.859.595.601)	(15.000.862.012)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	444.407.689	1.810.031.030
- Các khoản dự phòng	03	5.177.007.264	9.647.542.260
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.668.765.821	671.185.628
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.562.267.091)	(4.382.249.196)
- Chi phí lãi vay	06	606.891.832	580.536.383
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11.524.790.086)	(6.673.815.906)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.655.771.828	(13.774.625.756)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.694.830)	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	111.764.074	1.922.771.429
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	242.468.188	(322.210.910)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(7.517.480.826)</b>	<b>(18.847.881.143)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(28.513.040)	(1.269.180.479)
2. Tiền chi cho vay	23	-	(29.232.849.021)
3. Tiền thu cho vay	24	1.190.000.000	1.690.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.500.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	26.574.200.966
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	859.685.154	844.557.034
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>2.021.172.114</b>	<b>(13.893.271.500)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.700.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.700.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(5.496.308.712)</b>	<b>(32.741.152.643)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.700.017.059	43.441.169.702
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.203.708.347	10.700.017.059

Người lập biểu / Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Chi

Ngày 10 tháng 6 năm 2021

Tổng Giám đốc



Kakazu Shogo



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 2 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng;
- .....

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	100%	Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Hoạt động tư vấn quản lý...
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	70%	Số 192, Myanmar Plaza 9 Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar	Hoạt động như một tổ chức tài chính vi mô nhận tiền gửi khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc thị trường thấp hơn và tham gia vào tất cả các hoạt động khác được cho phép hợp lý bởi Cơ quan giám sát tài chính vi mô.
Công ty TNHH MASS Việt Nam	100%	Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa. Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động. Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

**Các công ty liên doanh, liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

**Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng 03 – 05 năm
- Phần mềm máy vi tính 03 năm

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

94-C  
TY  
TƯ BA  
Ư VÁN  
Ế TO  
TOÁN  
BT  
5 CH







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

**18. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	887.842.341	189.253.677
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.315.866.006	5.610.763.382
Các khoản tương đương tiền (kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	4.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.203.708.347</b>	<b>10.700.017.059</b>

**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh		16.201.600.021	(12.909.614.221)		16.201.600.021	-
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	1.828.881	16.201.600.021	(12.909.614.221)	1.828.881	16.201.600.021	-
<b>Cộng</b>		<b>16.201.600.021</b>	<b>(12.909.614.221)</b>		<b>16.201.600.021</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020 và 01/01/2020, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
Doanh nghiệp tư nhân Gara sửa chữa ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
Công ty cổ phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
Phải thu khách hàng của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH BMF Micro Finance)	4.068.873.797	10.717.800.214
Các khoản phải thu khách hàng khác	900.695.101	902.627.589
<b>Cộng</b>	<b>40.086.716.655</b>	<b>46.737.575.560</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Global Mobility Service Inc	-	1.892.916.000
Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535.920.000	535.920.000
Công ty TNHH Tư vấn Toàn Long	190.000.000	200.000.000
Các đối tượng khác	254.725.537	302.843.537
<b>Cộng</b>	<b>980.645.537</b>	<b>2.931.679.537</b>

**5. Phải thu về cho vay**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>3.171.000.000</b>
Công ty cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)	16.000.000.000	-
Công ty TNHH Hào Quang	-	3.171.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.981.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>
Công ty cổ phần Việt Nam Manpower Supply (i)	-	16.000.000.000
Công ty TNHH Hào Quang (ii)	1.981.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>17.981.000.000</b>	<b>19.171.000.000</b>

(i) Cho Công ty cổ phần Vietnam Manpower Supply vay theo hợp đồng 05/2019/HĐVT/PGT-MP ngày 23/12/2019. Khoản cho vay này có lãi suất 5%/năm với thời hạn cho vay từ 23/12/2019 đến 22/12/2021.

(ii) Cho Công ty TNHH Hào Quang vay theo Hợp đồng số 010419/2019/HĐCV ngày 03/04/2019 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 29/05/2020. Lãi suất cho vay là 5,7%/năm với thời hạn cho vay đến ngày 27/03/2022.

**6. Phải thu khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.631.276.903</b>	<b>23.156.885.395</b>
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	151.562.936	261.878.347
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	243.393.621	248.937.768
Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki	-	8.940.500.000
Công ty cổ phần Hiệp Thành An (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Lãi vay phải thu - Công ty cổ phần Việt Nam Manpower Supply	817.777.782	17.777.778
Lãi vay phải thu - Công ty TNHH Hào Quang	39.146.333	136.564.400
Lãi tiền cho vay dự thu (hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH BMF Micro Finance)	3.167.243.331	2.028.535.918
Công ty cổ phần Vinaterrace Hotels	434.000.000	434.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Freeway (ii)	6.986.000.000	6.986.000.000
Công ty cổ phần PGT Japan (iii)	104.374.750	104.374.750
Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	264.178.662
Phải thu cho vay Maha Bawga	4.621.198.800	-
Phải thu khác	802.400.688	734.137.772
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.215.620.200</b>	<b>2.397.746.000</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn (iv)	215.620.200	397.746.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Cống Quỳnh (v)	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.846.897.103</b>	<b>25.554.631.395</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản tiền đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyển nhượng dự án bất động sản.
- (ii) Đây là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 29/06/2017 để đảm bảo cho việc Công ty TNHH thương mại Dịch vụ Freeway sẽ chuyển nhượng 100% phần vốn góp của mình tại Công ty con với tổng số tiền chuyển nhượng phần vốn góp là 7.000.000.000 đồng.
- (iii) Chi phí quản lý về khoản đầu tư ra nước ngoài theo Nghị quyết 13/2019/QĐ-HĐQT-PGT ngày 19/04/2019 về việc chấp thuận đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua lại toàn bộ cổ phần và điều hành tại Công ty.
- (iv) Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Lầu 12 Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTVP/P11/HBH-HOLDINGS ngày 03/02/2018 và các phụ lục hợp đồng đã ký kết. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2026.
- (v) Khoản ký quỹ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh theo Hợp đồng ký quỹ số 02/HĐKQ-SCBCQ.19 ngày 14/08/2019 để duy trì hoạt động kinh doanh ngành nghề cho thuê lại lao động. Kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 7,3%/năm.

**7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Hiệp Thành An	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Toki	-	-	8.940.500.000	(8.940.500.000)
Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	(264.178.662)	264.178.662	(264.178.662)
Công ty CP Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	(27.855.320.000)	27.855.320.000	(27.855.320.000)
Doanh nghiệp tư nhân Gara sửa chữa ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	(5.207.287.675)	5.207.287.675	(5.207.287.675)
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	(1.194.873.000)	1.194.873.000	(1.194.873.000)
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	(561.919.900)	561.919.900	(561.919.900)
Công ty CP Tân Tân	297.747.182	(297.747.182)	297.747.182	(297.747.182)
Công ty CP kết cấu thép Thành Long	208.963.377	(208.963.377)	208.963.377	(208.963.377)
Vineco				
Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	(137.870.393)	137.870.393	(137.870.393)
Công ty CP Xây lắp và Thi công Cơ giới Tây Đô	130.200.000	(130.200.000)	130.200.000	(130.200.000)
Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535.920.000	(535.920.000)	535.920.000	(535.920.000)
Các đối tượng khác	3.041.652.304	(3.041.652.304)	1.833.759.261	(1.833.759.261)
<b>Cộng</b>	<b>42.435.932.493</b>	<b>(42.435.932.493)</b>	<b>50.168.539.450</b>	<b>(50.168.539.450)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Hàng hóa	43.206.751	-	40.511.921	-
<b>Cộng</b>	<b>43.206.751</b>	<b>-</b>	<b>40.511.921</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>430.076.569</b>	<b>615.413.177</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.291.667	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	425.784.902	615.413.177
<b>b) Dài hạn</b>	<b>83.595.728</b>	<b>140.727.308</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	26.387.195	68.028.734
Chi phí trả trước dài hạn khác	57.208.533	72.698.574
<b>Cộng</b>	<b>513.672.297</b>	<b>756.140.485</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị tính: VND
	Thiết bị dụng cụ quản lý
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	2.362.934.280
Số tăng trong năm	28.513.040
Số giảm trong năm	1.087.445.453
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.304.001.867</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.686.659.951
Khấu hao tăng trong năm	444.407.689
Số giảm trong năm	1.092.476.826
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.038.590.814</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	676.274.329
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>265.411.053</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm vi tính	Phần mềm quản lý tài chính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	43.000.000	1.687.574.465	1.730.574.465
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.000.000</b>	<b>1.687.574.465</b>	<b>1.730.574.465</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	43.000.000	1.687.574.465	1.730.574.465
Khấu hao tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.000.000</b>	<b>1.687.574.465</b>	<b>1.730.574.465</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

**12. Lợi thế thương mại**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Công ty TNHH BMF Micro Finance	6.150.546.565	-	709.678.450	5.440.868.115
Công ty TNHH Maas Việt Nam	42.017.981	-	4.668.664	37.349.317
<b>Cộng</b>	<b>6.192.564.546</b>	<b>-</b>	<b>714.347.114</b>	<b>5.478.217.432</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2020
<b>a) Phải nộp</b>	<b>112.442.908</b>	<b>555.208.332</b>	<b>573.960.745</b>	<b>93.690.495</b>
Thuế thu nhập cá nhân	112.442.908	547.208.332	565.960.745	93.690.495
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>1.640.002.639</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.640.002.639</b>
Thuế thuế GTGT	10.102.981	-	-	10.102.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.629.899.658	-	-	1.629.899.658



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	580.536.383
Chi phí phải trả khác	289.173.862	239.381.559
<b>Cộng</b>	<b>289.173.862</b>	<b>819.917.942</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.547.853	1.634.400
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	633.295.050	633.295.050
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.113.820	36.113.820
Nhận ký quỹ, ký cược từ khách hàng của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH BMF Micro Finance)	242.432.801	1.564.774.599
Phải trả lãi vay cho Công ty All Corporation Inc (Bên liên quan)	1.187.428.215	-
Phải trả ông Kakazu Shogo (Bên liên quan)	20.000.000	-
Phải trả khác	2.187.432.519	1.095.394.530
<b>Cộng</b>	<b>4.321.250.258</b>	<b>3.331.212.399</b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020	Tăng	Giảm	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP All Corporation (Bên liên quan) (*)	10.928.954.613	-	8.945.206.600	19.874.161.213
Bà Yamazaki Hitomi	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.928.954.613</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>10.645.206.600</b>	<b>19.874.161.213</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn Công ty cổ phần All Corporation (Bên liên quan) theo Hợp đồng cho vay số 01/2018/HĐCV ngày 17/05/2018, Phụ lục Hợp đồng ngày 24/06/2019 và phụ lục hợp đồng ngày 04/06/2020 với số tiền vay 855.538,58 USD. Mục đích vay là để thực hiện thanh toán một phần tiền đặt cọc cho việc thu mua dự án Trung tâm thương mại - Dịch vụ - Cao ốc Văn phòng - Khách sạn quốc tế - Căn hộ tại số 485 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn vay đến hết ngày 24/05/2021, lãi suất vay 5%/năm tính từ ngày ký phụ lục. Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2020 là 470.669,88 USD tương đương 10.029.954.613 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Lầu 12, Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Số dư đầu năm trước	Đơn vị tính: VND				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển			
92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(1.089.085.677)	(25.520.173.564)	5.001.475.120	70.826.696.262
Lỗ trong năm trước					(14.762.369.240)	(238.492.772)	(15.000.862.012)
Tăng khác (*)			532.911.137			228.390.487	761.301.624
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>92.418.010.000</b>	<b>55.260.000</b>	<b>(1.744.349.375)</b>	<b>1.705.559.758</b>	<b>(40.282.542.804)</b>	<b>4.991.372.835</b>	<b>56.587.135.874</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>92.418.010.000</b>	<b>55.260.000</b>	<b>(1.744.349.375)</b>	<b>1.705.559.758</b>	<b>(40.282.542.804)</b>	<b>4.991.372.835</b>	<b>56.587.135.874</b>
Lỗ trong năm nay					(16.320.759.154)	(1.538.836.447)	(17.859.595.601)
Tăng khác (*)			1.171.430.694			502.041.727	1.673.472.421
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>92.418.010.000</b>	<b>55.260.000</b>	<b>(1.744.349.375)</b>	<b>1.705.559.758</b>	<b>(56.603.301.958)</b>	<b>3.954.578.115</b>	<b>40.401.012.694</b>

(\*) Tăng khác là Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông	%	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
92.418.010.000	100	92.418.010.000
<b>92.418.010.000</b>	<b>100</b>	<b>92.418.010.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.418.010.000	92.418.010.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>9.241.801</b>	<b>9.241.801</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>9.241.801</b>	<b>9.241.801</b>
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	<b>384.196</b>	<b>384.196</b>
- Cổ phiếu phổ thông	384.196	384.196
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>8.857.605</b>	<b>8.857.605</b>
- Cổ phiếu phổ thông	8.857.605	8.857.605
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	9.000.000	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ cho vay (hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH BMF Micro Finance)	2.273.182.467	4.406.914.602
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	315.894.271	1.279.993.585
<b>Cộng</b>	<b>2.598.076.738</b>	<b>5.686.908.187</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho vay (hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH BMF Micro Finance)	197.590.975	229.685.435
Giá vốn cung cấp dịch vụ	237.555.414	228.261.354
<b>Cộng</b>	<b>435.146.389</b>	<b>457.946.789</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.562.267.091	998.899.212
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	3.383.349.984
Lãi chênh lệch tỷ giá	147.259.239	331.821.823
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.345.282	393.123.296
<b>Cộng</b>	<b>1.721.871.612</b>	<b>5.107.194.315</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	606.891.832	580.536.383
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	12.909.614.221	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	211	154.682.366
Chi phí tài chính khác	-	71.679
<b>Cộng</b>	<b>13.516.506.264</b>	<b>735.290.428</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	-	44.753.655
Chi phí nhân viên quản lý	7.047.630.337	6.844.690.989
Chi phí khấu hao	501.912.988	782.493.443
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.352.951.164)	9.646.542.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.124.011.564	6.340.995.547
Phân bổ lợi thế thương mại	714.347.114	714.347.115
Các khoản chi phí quản lý khác	13.786.425	104.807.074
<b>Cộng</b>	<b>8.048.737.264</b>	<b>24.478.630.083</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	3.250.545	21.566.738
<b>Cộng</b>	<b>3.250.545</b>	<b>21.566.738</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	234.793	123.986.763
Chi phí khác	182.169.786	20.677.188
<b>Cộng</b>	<b>182.404.579</b>	<b>144.663.951</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong năm do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

**9. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.859.595.601)	(15.000.862.012)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.859.595.601)	(15.000.862.012)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.857.605	8.857.605
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.016)</b>	<b>(1.694)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	-	47.305.929
Chi phí nhân công	7.047.630.337	7.060.328.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	444.407.689	1.810.031.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.559.022.675	5.312.129.322
Chi phí trích lập/ hoàn nhập dự phòng phải thu	(6.352.951.164)	9.646.542.260
Phân bổ lợi thế thương mại	714.347.114	714.347.115
Chi phí khác bằng tiền	71.427.002	345.892.509
<b>Cộng</b>	<b>8.483.883.653</b>	<b>24.936.576.872</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, như sau:

	Năm nay
	VND
Cần trừ công nợ Công ty cổ phần All Corporation - Giảm khoản vay ngắn hạn và khoản phải thu ngắn hạn khác	8.940.500.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.683.953.334	2.472.300.000
Thù lao	468.000.000	468.000.000
Lương	2.215.953.334	2.004.300.000

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ phát sinh với các bên liên quan đã trình bày ở trên, Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ phần All Corporation	Bên liên quan	Cần trừ tiền vay Lãi vay	8.940.500.000 606.891.832



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

Công ty có hoạt động kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam với lĩnh vực cho vay tài chính (hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH BMF Micro Finance – Công ty con) do vậy Công ty lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:**

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ khác tại Việt Nam	Dịch vụ cho vay ngoài Việt Nam	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	43.355.302.220	15.004.347.007	58.359.649.227
Các khoản đầu tư	3.291.985.800	-	3.291.985.800
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>46.647.288.020</b>	<b>15.004.347.007</b>	<b>61.651.635.027</b>
Nợ phải trả bộ phận	14.447.699.781	1.822.419.958	16.270.119.739
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>14.447.699.781</b>	<b>1.822.419.958</b>	<b>16.270.119.739</b>

**Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:**

Đơn vị tính: VND

	Dịch vụ khác tại Việt Nam	Dịch vụ cho vay ngoài Việt Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	324.894.271	2.273.182.467	2.598.076.738
Giá vốn	237.555.414	197.590.975	435.146.389
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>87.338.857</b>	<b>2.075.591.492</b>	<b>2.162.930.349</b>
Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý	374.674.688	7.674.062.576	8.048.737.264
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>(287.335.831)</b>	<b>(5.598.471.084)</b>	<b>(5.885.806.915)</b>
Doanh thu tài chính	1.252.855.351	469.016.261	1.721.871.612
Chi phí tài chính	13.516.506.264	-	13.516.506.264
Thu nhập khác	3.250.545	-	3.250.545
Chi phí khác	182.404.579	-	182.404.579
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(12.730.140.778)</b>	<b>(5.129.454.823)</b>	<b>(17.859.595.601)</b>

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**6. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính : VND		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.560.463.631</b>	-	<b>15.560.463.631</b>
Vay và nợ thuê tài chính	10.928.954.613	-	10.928.954.613
Phải trả cho người bán	35.632.751	-	35.632.751
Chi phí phải trả	289.173.862	-	289.173.862
Các khoản phải trả khác	4.306.702.405	-	4.306.702.405
<b>Số đầu năm</b>	<b>24.035.583.492</b>	-	<b>24.035.583.492</b>
Vay và nợ thuê tài chính	19.874.161.213	-	19.874.161.213
Phải trả cho người bán	11.926.338	-	11.926.338
Chi phí phải trả	819.917.942	-	819.917.942
Các khoản phải trả khác	3.329.577.999	-	3.329.577.999

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

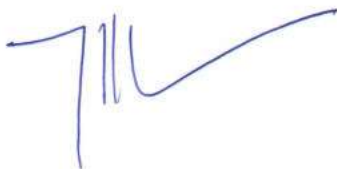
**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

**9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

**Người lập biểu / Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Thanh Chi**

Ngày 10 tháng 6 năm 2021

**Tổng Giám đốc**



**Kakazu Shogo**